

Số 1793/NSHN-TCKT

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2021

V/v: Báo cáo giám sát 6 tháng đầu năm 2021

Kính gửi : - Sở Tài chính Hà Nội
- Chi cục Tài chính doanh nghiệp

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát vốn nhà nước tại doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Công ty TNHH Một thành viên Nước sạch Hà Nội báo cáo Sở Tài chính, Chi cục Tài chính doanh nghiệp về tình hình quản lý vốn, tài sản, kết quả sản xuất kinh doanh và hiệu quả hoạt động của Công ty 6 tháng đầu năm 2021 như sau:

1. Bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	30/06/2021
Tổng nguồn vốn	3.454.953	3.454.923
Trong đó		
- Vốn góp của chủ sở hữu	3.117.117	3.412.000
- Quỹ đầu tư phát triển	295.538	656
- Nguồn vốn đầu tư XDCB	31	0
- Vốn khác	42.267	42.267

Vốn chủ sở hữu trong kỳ đã được bảo toàn và phát triển.

2. Giám sát việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước

2.1 Hoạt động đầu tư các dự án

(Biểu 02A – Tình hình đầu tư và huy động vốn để đầu tư vào các dự án hình thành TSCĐ và XDCB).

2.2 Đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp

Đến 30/06/2021, tình hình đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết, đầu tư khác như sau:

2.2.1 Đầu tư vào công ty con:

Đến 30/06/2021, Công ty Nước sạch Hà Nội đầu tư ra ngoài tại 01 Công ty con (Công ty Cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội).

- Số vốn góp của Công ty Nước sạch Hà Nội tại Công ty cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội: 548.914 triệu đồng, chiếm 96,64% vốn điều lệ. Trong 6 tháng đầu năm 2021 Công ty Nước sạch số 2 đảm bảo sản xuất kinh doanh ổn định. Tuy nhiên do dịch bệnh Covid kéo dài nên ảnh hưởng đến các chỉ tiêu tài chính chủ yếu. Doanh thu 6 tháng đầu năm của Công ty: 245,7 tỷ đồng (đạt 52% kế hoạch); lợi nhuận sau thuế: 3,91 tỷ đồng (đạt 28,6% kế hoạch).

- Công ty Nước sạch số 2 Hà Nội đã tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. Tại Đại hội, các cổ đông thống nhất thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020, trong đó tỷ lệ chia cổ tức là 1,17% vốn điều lệ.

2.2.2 Đầu tư vào công ty liên kết:

2.2.2.1 Đầu tư vào Công ty Cổ phần Viwaco:

- Số vốn góp của Công ty Nước sạch Hà Nội: 37.924 triệu đồng. Số lượng cổ phần nắm giữ: 3.792.440 cổ phần, chiếm 23,7% vốn điều lệ. Hiện Công ty cổ phần Viwaco đang triển khai phương án tăng vốn điều lệ từ 160 tỷ đồng lên 320 tỷ đồng (theo phương thức phát hành thêm cổ phần cho cổ đông hiện hữu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận chưa phân phối của năm 2020).

- Công ty Cổ phần Viwaco đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2020 theo đúng quy định của pháp luật và Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2021 là 9.481 triệu đồng, tỷ lệ chia cổ tức là 25% vốn điều lệ (Công ty Nước sạch Hà Nội đã hạch toán vào thu nhập hoạt động tài chính). Đến hết tháng 6/2021, hoạt động kinh doanh của công ty có lợi nhuận sau thuế là 34,2 tỷ đồng.

2.2.2.2 Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hạ tầng Nước sạch Hà Nội:

- Số vốn đã góp của Công ty Nước sạch Hà Nội: 2 tỷ đồng, chiếm 20% vốn điều lệ. Đến hết tháng 6/2021, do tình hình dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp, Công ty chưa tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

- Trong 6 tháng đầu năm 2021, do tình hình dịch bệnh Covid-19 hoạt động SXKD của Công ty cổ phần gặp nhiều khó khăn. Doanh thu 6 tháng đầu năm 2021 đạt 4.890 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế: -782 triệu đồng.

2.2.2.3 Đầu tư vào Công ty Cổ phần Nước mặt Sông Hồng:

- Số vốn đã góp của Công ty Nước sạch Hà Nội đến hết năm 2020 là 47.964 triệu đồng, chiếm 8,65% vốn điều lệ trong tổng số vốn điều lệ dự kiến tham gia là 20%. Đến hết tháng 6/2021, Công ty CP Nước mặt Sông Hồng đang trong giai đoạn

đầu tư, chưa đi vào kinh doanh. Hiện nay, công ty đã hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng, đang thực hiện phần xây dựng nhà máy.

2.2.2.4 Đầu tư vào Công ty cổ phần Tháp nước Hà Nội:

- Số vốn góp của Công ty Nước sạch Hà Nội: 59.340 triệu đồng, chiếm 30% vốn điều lệ. Đến hết tháng 6/2021, do tình hình dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp, Công ty chưa tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

- Kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2021: Tổng doanh thu: 9.422 triệu đồng, Công ty không có lợi nhuận sau thuế.

2.2.3 Đầu tư khác (Góp vốn vào Công ty cổ phần nước mặt Sông Đuống: số vốn đã góp 99.961 triệu đồng, chiếm 10% vốn điều lệ).

Tính đến 30/06/2021, dự án đã hoàn thành giai đoạn 1 và giai đoạn 2; đã phát nước thương mại. Tuy nhiên, hiện nay nhà máy chưa thể phát hết công suất do mạng lưới đường ống cấp nước tại các khu vực thuộc phạm vi cấp nước của dự án chưa được xây dựng đầy đủ theo tiến độ dự kiến. Ngoài ra, do tác động của dịch bệnh Covid-19 nên sản lượng cấp nước cho khách hàng suy giảm đáng kể; giá thành nước trong giai đoạn đầu sản xuất cao. Bên cạnh đó, do dự án chưa được phê duyệt phương án giá chính thức (Công ty CP Nước mặt sông Đuống đã xây dựng phương án trình Sở Tài chính thẩm định) nên chưa có cơ sở báo cáo thành phố xem xét cấp bù giá. Vì vậy, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2021, Công ty cổ phần Nước mặt Sông Đuống lỗ 105 tỷ đồng; lỗ lũy kế 564 tỷ đồng. Công ty Nước sạch Hà Nội đã thực hiện trích lập dự phòng đầu tư tài chính đối với số lỗ các năm 2019-2020; chưa thực hiện trích lập dự phòng đầu tư tài chính của giai đoạn 6 tháng năm 2021 do theo quy định việc trích lập thực hiện vào thời điểm lập Báo cáo tài chính năm và căn cứ kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần trên Báo cáo tài chính cuối năm.

2.3 Huy động vốn và sử dụng vốn (phụ lục 02 A chi tiết kèm theo)

Việc cân đối nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, đáp ứng đầy đủ nguồn vốn ngắn hạn, dài hạn cho hoạt động bình thường của công ty.

Vốn vay được sử dụng đúng mục đích, đảm bảo hiệu quả, trả nợ đúng hạn. Công ty không có nợ quá hạn tại các tổ chức tín dụng.

2.4 Tình hình quản lý tài sản, quản lý nợ tại doanh nghiệp, khả năng thanh toán nợ của doanh nghiệp, hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu

2.4.1 Quản lý, sử dụng tài sản:

a. Quản lý tài sản ngắn hạn:

- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản = 30,76%
- Tiền và các khoản tương đương tiền: 656.373 triệu đồng.
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn: 955.000 triệu đồng.
- Các khoản phải thu ngắn hạn: 101.500 triệu đồng (chiếm 1,66% tổng tài sản).
- Quản lý hàng tồn kho và tài sản ngắn hạn khác: Hàng tồn kho 92.480 triệu đồng, tài sản ngắn hạn khác 71.573 triệu đồng.

b. Quản lý tài sản dài hạn:

Tài sản dài hạn/Tổng tài sản = 69,24%. Trong đó, tài sản dài hạn chủ yếu là tài sản cố định.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến ngày 30/06/2021, nợ phải trả của Công ty là 2.459.420 triệu đồng, chiếm 40,31% tổng nguồn vốn, trong đó chủ yếu là khoản phải trả, phải nộp liên quan đến các dự án nguồn vốn ngân sách ứng trước có hoàn trả từ khấu hao TSCĐ và các khoản vay, nợ dài hạn phục vụ cho đầu tư phát triển (hiện tại Công ty đang thực hiện thanh toán nợ phải trả theo hợp đồng, đúng kỳ hạn, không có nợ quá hạn).

Công ty đã mở sổ theo dõi nợ phải trả cho từng đối tượng theo quy định. Công ty đã ban hành Quy chế quản lý nợ theo Quyết định 869/NSHN-HĐTV ngày 10/6/2014. Công nợ được quản lý chặt chẽ, hàng năm việc đối chiếu công nợ được thực hiện theo quy định trước khi khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Công ty không có công nợ phải trả quá hạn.

Khả năng thanh toán hiện hành = Tổng tài sản/Nợ phải trả: 2,48 lần

Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn = Tổng TS ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn: 2,75 lần.

Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu = 0,68 lần.

Qua các chỉ tiêu trên cho thấy, Công ty đảm bảo được khả năng thanh toán hiện hành và khả năng thanh toán nợ đến hạn.

2.4.2 Tình hình lưu chuyển tiền tệ

Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh của công ty ổn định, lượng tiền lưu thông đủ khả năng thanh toán nợ đến hạn và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Dòng tiền của hoạt động đầu tư chủ yếu phục vụ việc mua sắm tài sản, đầu tư có kỳ hạn, thu từ hoạt động đầu tư là cốt lõi từ việc đầu tư vào công ty liên kết.

Dòng tiền hoạt động tài chính là lãi tiền gửi và thanh toán lãi vay.

3. Giám sát kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

Ngày 26/04/2021, UBND thành phố có văn bản số 1880/QĐ-UBND giao chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động năm 2021 của Công ty TNHH Một thành viên Nước sạch Hà Nội.

Đến 30/06/2021, tình hình thực hiện kế hoạch năm 2021 của công ty như sau:

3.1 Doanh thu và thu nhập khác:

- Tổng doanh thu 843.450 triệu đồng, bằng 47,79% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, trong đó:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 801.698 triệu đồng (Doanh thu sản phẩm dịch vụ công ích là 788.942 triệu đồng, bằng 46,9% kế hoạch).

+ Thu nhập hoạt động tài chính: 41.473 triệu đồng (bao gồm lãi tiền gửi có kỳ hạn; cổ tức được chia trong năm tại của công ty con, công ty liên kết).

+ Thu nhập khác: 279 triệu đồng do ghi nhận từ thanh lý và nhượng bán tài sản.

- Công ty đã thực hiện mở sổ theo dõi chi tiết doanh thu và thu nhập trong các năm tài chính.

- Doanh thu 6 tháng đầu năm 2021 của Công ty không đạt kế hoạch do ảnh hưởng lớn của dịch bệnh Covid-19; các cơ sở kinh doanh, dịch vụ hoạt động không ổn định hoặc đóng cửa, giải thể; trường học tạm nghỉ, hoạt động xây dựng giãn hoãn... Để giảm bớt ảnh hưởng của dịch bệnh, Công ty đã kịp thời có các giải pháp như: nâng cao mức độ dịch vụ cấp nước cho khách hàng, tăng cường kiểm tra áp giá, đẩy mạnh công tác chống thất thoát thu chủ động...

3.2 Chi phí:

- Tổng chi phí 689.505 triệu đồng, trong đó giá vốn hàng bán: 357.177 triệu đồng, chi phí quản lý doanh nghiệp: 28.623 triệu đồng, chi phí bán hàng: 262.586 triệu đồng, chi phí tài chính: 39.457 triệu đồng, chi phí khác: 1.662 triệu đồng.

3.3 Kết quả sản xuất kinh doanh:

Tổng lợi nhuận trước thuế: 153.944 triệu đồng.

Tổng lợi nhuận sau thuế: 125.051 triệu đồng, bằng 96.45 % kế hoạch.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) = 3,48%.

Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) = 2,05%

Đánh giá chung: Năm 2021 là một năm khó khăn với hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị khi nền kinh tế cả nước có dấu hiệu suy giảm do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19. Doanh thu 6 tháng đầu năm 2021 của Công ty chỉ đạt 47,77% so với kế hoạch năm 2021, tuy nhiên do tiết giảm chi phí cũng như giãn hoãn một số hạng mục chi phí như chi phí sửa chữa lớn, chi phí thay thế đồng hồ định kỳ, các chi phí hành chính, nhiều chi phí tập trung vào 6 tháng cuối năm... nên lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm đạt 125.051 triệu đồng. Trong 6 tháng cuối năm, Công ty phải tiếp tục duy trì sự ổn định, đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, khắc

phục những khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, tiếp tục nỗ lực để hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu được UBND Thành phố Hà Nội giao trong năm 2021.

3.4 Thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước;

Công ty thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước kịp thời, đúng quy định. Tổng nộp ngân sách trong 6 tháng năm 2021 là 60.164 triệu đồng.

3.5 Phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.

Đến 30/6/2021 Công ty đã thực hiện tạm trích các quỹ và nộp lợi nhuận còn lại vào ngân sách nhà nước theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 61/2016/TT-BTC ngày 11/4/2016 của Bộ Tài chính.

4. Giám sát việc cơ cấu lại vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp, cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp đầu tư tại công ty con, công ty liên kết, đầu tư khác.

Đến 30/06/2021, Công ty Nước sạch Hà Nội thực hiện đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết như sau:

4.1 Công ty con:

- Công ty cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội: vốn góp 548.914 triệu đồng, chiếm 96,64% vốn điều lệ. Công ty CP nước sạch số 2 Hà Nội có trong danh sách thoái vốn. Công ty Nước sạch Hà Nội đã có văn bản báo cáo đề nghị thành phố xem xét dừng thoái vốn theo kế hoạch 168/2016/KH-UBND để thực hiện cùng với tiến trình cổ phần hóa Công ty mẹ. Tại văn bản số 5506/STC-TCĐN ngày 27/8/2020, Sở Tài chính đã báo cáo UBND thành phố Hà Nội và đề xuất nguyên tắc điều chỉnh “*Đối với các ngành nghề kinh doanh phù hợp với ngành nghề kinh doanh chính của doanh nghiệp nhà nước thì dừng thực hiện thoái vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước để tập trung hoàn thành công tác cổ phần hóa theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ*”.

4.2 Công ty liên kết:

- Công ty Cổ phần Viwaco: vốn góp 37.924 triệu đồng, chiếm 23,7% vốn điều lệ. Không có trong danh mục thoái vốn.

- Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng hạ tầng Nước sạch Hà Nội: vốn góp 2 tỷ đồng, chiếm 20% vốn điều lệ. Không có trong danh mục thoái vốn.

- Công ty cổ phần nước mặt Sông Hồng: đến nay đã góp theo lộ trình là 47.964 triệu đồng, chiếm 8,65% vốn điều lệ trong tổng số vốn điều lệ dự kiến tham gia là 20%. Không có trong danh mục thoái vốn.

- Công ty cổ phần Tháp nước Hà Nội, đã góp 59.340 triệu đồng, chiếm 30% vốn điều lệ. Công ty Nước sạch Hà Nội đang thực hiện các nội dung chuẩn bị cho công tác thoái vốn tại Công ty Cổ phần Tháp nước Hà Nội.

4.3 Đầu tư khác

- Công ty cổ phần nước mặt Sông Đuống, theo chỉ đạo của UBND thành phố Hà Nội, Công ty Nước sạch Hà Nội góp 10% vốn điều lệ, hiện đã: vốn góp 99.961 triệu đồng, tương đương 10% vốn điều lệ.

5. Giám sát thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phụ cấp trách nhiệm và quyền lợi khác đối với người lao động, người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp theo quy định của Bộ luật Lao động.

5.1 Tiền lương, tiền thưởng đối với người lao động:

Quyết toán quỹ lương năm 2020 của Công ty đã được Hội đồng thành viên phê duyệt. Kế hoạch quỹ tiền lương 2021 đã được Hội đồng thành viên Công ty phê duyệt. Việc quyết toán quỹ tiền lương thực hiện và xây dựng quỹ tiền lương kế hoạch được thực hiện theo quy định tại Nghị định 51/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ và Thông tư 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

5.2 Tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phụ cấp của người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp

- Công ty đang thực hiện quyết toán quỹ tiền lương người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên năm 2019.

- Công ty đang hoàn thiện hồ sơ quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2020 báo cáo Sở LĐTBXH, đang chờ thẩm định phê duyệt theo quy định.

- Công ty đã tạm thanh toán tiền lương cho người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên năm 2020 đạt 80% số đã trích, sau khi có kết quả đánh giá hoàn thành nhiệm vụ sẽ báo cáo chỉ sở hữu quyết toán phần còn lại theo quy định.

- Công ty đã ban hành Quy chế quản lý các khoản thù lao, tiền thưởng của người đại diện phần vốn tại các công ty cổ phần theo quy định. Việc hạch toán và chi trả được thực hiện theo quy định.

Công ty TNHH Một thành viên Nước sạch Hà Nội kính báo cáo Sở Tài chính, Chi cục tài chính doanh nghiệp. *kh*

Nơi nhận:

- Như trên
- HĐTV (đề b/c)
- KSV Công ty
- Lưu

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
NƯỚC SẠCH HÀ NỘI**



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Quốc Hùng

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐỂ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XDCB 2021

(Ban hành kèm theo Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

STT	Tên dự án	Quy mô công suất	Nhóm dự án			Quyết định phê duyệt	Tổng mức đầu tư					Thời gian đầu tư theo KH	Nguồn vốn huy động			Giá trị khối lượng thực hiện 6 tháng đầu năm 2021			Giải ngân 6 tháng đầu năm 2021	Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng					
			A	B	C		KT	KT	Tổng	Vốn chủ sở hữu	%		Vốn huy động	%	Tổng số	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang			Thực hiện trong kỳ 6 tháng đầu năm 2021	Đến 30/06/2021	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ 6 tháng đầu năm 2021	Đến 30/06/2021
TỔNG CỘNG							840.675	554.367	66%	286.308	34%	-	-	0,0%	111.908	102.624	214.532	98.746	153.748	252.494	152.417				
I	Các dự án nguồn						38.900	38.900	100%	-	0%	-	-	0,0%	-	-	-	-	283	283	-				
A	Các dự án nhóm B																								
	Không có																								
B	Các dự án nhóm C và BCKTKT																								
1	Xây dựng hệ thống thu hồi nước rửa lọc của NMN Ngõ Sĩ Liên	Cải tạo dây chuyền xử lý nước					8.900	8.900	100%	-	0%	2021								283	283				
2	Xây dựng hệ thống thu hồi nước rửa lọc của NMN Lương Yên	Cải tạo dây chuyền xử lý nước			x		10.000	10.000	100%	-	0%	2021													
3	Xây dựng hệ thống thu hồi nước rửa lọc của NMN Ngõ Sĩ Liên	Cải tạo dây chuyền xử lý nước			x		10.000	10.000	100%	-	0%	2021													
4	Cải tạo nhà Clo và hóa chất của NMN Yên Phụ	Cải tạo dây chuyền xử lý nước			x		10.000	10.000	100%	-	0%	2020													
II	Các dự án Chống TTTT						710.418	424.110	60%	286.308	40%	-	-	-	107.123	92.930	200.053	90.394	144.783	235.177	140.183				
A	Các dự án nhóm B, C và BCKTKT																								
1	Cải tạo HTCN tuyến PP và dịch vụ Ô5A+B - Cầu Giấy	Cải tạo tuyến ống PP và Dịch vụ . Số KH: 10,360 KH			x	QĐ 3172/NSHN-CTCN	64.012	64.012	100%	-	0%	2020-2021				38.845	16.336	55.181	36.383	18.558	54.941	50.612			
2	Cải tạo HTCN tuyến PP và dịch vụ Ô5D - Cầu Giấy	Cải tạo thay thế đồng hồ			x	QĐ 1807/NSHN-CTCN	60.063	60.063	100%	-		2020-2021				624	1.441	2.065	1.136	32.105	33.241				
3	Cải tạo HTCN tuyến PP và dịch vụ Ô5C - Cầu Giấy	Cải tạo thay thế đồng hồ			x	QĐ 1316/NSHN-CTCN	55.588	26.130	47%	29.458		2020-2021				-	-	-	-	168	168				
4	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thu khu vực Ô21 Hai Bà Trưng	Cải tạo tuyến ống PP và Dịch vụ . Số KH: 16,120 KH			x	QĐ 3071/NSHN-CTCN	118.991	54.292	46%	64.699	54%	2020-2021				65.120	31.589	96.709	50.393	46.190	96.583	89.571			
5	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thu khu vực Ô19D Hai Bà Trưng	Cải tạo thay thế đồng hồ			x	QĐ 2379/NSHN-CTCN	37.649	15.621	41%	22.028	59%	2020-2021				1	395	396	119	699	818				
6	Cải tạo MLCN - chống TTTT Ô14 - Đống Đa	Cải tạo thay thế đồng hồ			x	QĐ 1457/NSHN-CTCN	90.859	49.267	54%	41.592		2020-2021				2.533	42.175	44.708	2.363	42.842	45.205				
7	Cải tạo MLCN - chống TTTT KV3+KV4 Ô9A - Đống Đa	Cải tạo thay thế đồng hồ			x	QĐ 1413/NSHN-CTCN	8.750	8.750	100%	-	0%	2020-2021				-	-	-	-	-	-				

STT	Tên dự án	Quy mô công suất	Nhóm dự án			Quyết định phê duyệt	Tổng mức đầu tư					Thời gian đầu tư theo KH	Nguồn vốn huy động			Giá trị khối lượng thực hiện 6 tháng đầu năm 2021			Giải ngân 6 tháng đầu năm 2021			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng		
			A	B	C		KT	KT	Tổng	Vốn chủ sở hữu	%		Vốn huy động	%	Tổng số	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ 6 tháng đầu năm 2021	Đến 30/06/2021	Kỳ trước chuyển sang		Thực hiện trong kỳ 6 tháng đầu năm 2021	Đến 30/06/2021
8	Cải tạo MLCN - chống TTTT KV 011 - Đống Đa	Cải tạo thay thế đồng hồ			x	QĐ 1413/NSHN-CTCN	64.133	32.563	51%	31.570	49%	2020-2021				-	-	-	-	-	-	-		
9	Cải tạo mạng lưới cấp nước và chống thất thoát thất thu khu vực Ô Đền Lừ (khu thấp tầng) - Xi nghiệp Hoàng Mai	Cải tạo thay thế đồng hồ				x	QĐ 195/NSHN-CTCN	10.599	10.599	100%	-	2020-2021				-	443	443	-	3.548	3.548			
10	Cải tạo mạng lưới cấp nước và chống thất thoát thất thu khu vực Ô Đền Lừ (khu cao tầng) - Xi nghiệp Hoàng Mai	Cải tạo thay thế đồng hồ				x		8.535	8.535	100%	-	2020-2021				-	-	-	-	-	-			
11	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu khu vực DMA2 - Ô19 Hoàng Mai	Cải tạo thay thế đồng hồ			x			81.750	49.050	60%	32.700	2020-2021				-	-	-	-	-	-			
12	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu khu vực Ô19B+B1 Hoàng Mai	Cải tạo thay thế đồng hồ			x			79.215	35.708	45%	43.507	2020-2021				-	551	551	-	551	551			
13	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu khu vực Ô7 Nhật Tân - Ba Đình	Cải tạo thay thế đồng hồ			x	QĐ 1188/NSHN-CTCN	30.274	9.520	31%	20.754	69%	2020-2021				-	-	-	-	122	122			
III	Các dự án Cải tạo MLCN						56.000	56.000	100%	-	0%	-	-	-	-	-	2.697	2.697	1.084	1.590	2.674	2.696		
B	Các dự án nhóm C và BCKTKT																							
1	Xây dựng MLCN khu vực còn lại thuộc xã Ngũ Hiệp và Tứ Hiệp - huyện Thanh Trì	Xây dựng mới MLCN			x		20.000	20.000	100%	-	0%	2021-2022				-	2.697	2.697	1.084	1.590	2.674	2.696		
2	Xây dựng mạng lưới tuyến ống cấp nước các xã huyện Thạch Thất	Xây dựng mới MLCN					-	-	-	-	-	2021-2022												
3	Tuyến ống D600 dọc đường Giải Phóng, Lê Duẩn từ Pháp Vân đến Khâm Thiên	Xây dựng mới MLCN					-	-	-	-	-	2021-2022												
4	Phát triển MLCN cho khu vực các xã còn lại của huyện Thường Tín	Xây dựng mới MLCN					-	-	-	-	-	2021-2022												
5	Xây dựng tuyến ống truyền dẫn qua cầu Nhật Tân	Xây dựng mới MLCN					-	-	-	-	-	2021-2022												
6	Bổ sung điểm đầu và tuyến ống truyền dẫn cấp nước cho khu vực thị trấn Quang Minh, Chi Đông - huyện Mê Linh	Xây dựng mới MLCN					36.000	36.000	100%	-	0%	2020-2021												
IV	Các dự án khác						35.357	35.357	-	-	0%	6.060	-	-	-	4.785	6.997	11.782	7.268	7.092	14.360	9.538		
A	Các dự án nhóm C và BCKTKT																							
1	Triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu bản đồ công nghệ GIS mạng phân phối, dịch vụ cho các đơn vị KDNS còn lại và xây dựng phần mềm Dashboard	Mua thiết bị phần cứng; Xây dựng bản đồ nền Web Map; Xây dựng bản đồ mạng lưới phân phối, dịch vụ cho các đơn vị KDNS còn lại				x	518/NSHN-CTCN	7.900	7.900	100%	-	0%	2020-2021				-	532	532	-	3.165	3.165		

STT	Tên dự án	Quy mô công suất	Nhóm dự án			Quyết định phê duyệt	Tổng mức đầu tư					Thời gian đầu tư theo KH	Nguồn vốn huy động			Giá trị khối lượng thực hiện 6 tháng đầu năm 2021			Giải ngân 6 tháng đầu năm 2021			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng		
			A	B	C		KT	KT	Tổng	Vốn chủ sở hữu	%		Vốn huy động	%	Tổng số	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ 6 tháng đầu năm 2021	Đến 30/06/2021	Kỳ trước chuyển sang		Thực hiện trong kỳ 6 tháng đầu năm 2021	Đến 30/06/2021
2	Xây dựng tuyến ống cấp nước bổ sung nguồn nước cho NMN Hà Đĩnh	Bổ sung tuyến ống để tăng cường cấp nước				x	6.878	6.878	100%	-	0%	2020				391	5.573	5.964	2.433	3.515	5.948	5.477		
3	Xây dựng tuyến ống cấp nước bổ sung nguồn nước cho NMN Pháp Vân	Bổ sung tuyến ống để tăng cường cấp nước				x	4.679	4.679	100%	-	0%	2020				4.334	114	4.448	4.153	295	4.448	4.061		
4	Xây dựng phần mềm Quản lý dự án cho các đơn vị đại diện chủ đầu tư	Xây dựng hệ thống phần mềm quản lý				x	900	900	100%	-	0%	2020				60	778	838	682	117	799			
5	Kết nối tuyến ống D600 Phú Thượng - Ciputra	Xây dựng mới MLCN					15.000	15.000	100%	-	0%	2021-2022						-				-		

Ghi chú: Số hiệu từ cột (2) đến cột (12) theo Quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cấp có thẩm quyền. Các dự án nêu trên là dự án do doanh nghiệp làm chủ đầu tư hoặc thuộc quyền quản lý của doanh nghiệp

CÔNG TY NƯỚC SẠCH HÀ NỘI



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Quốc Hùng

Hà Nội, ngày tháng 07 năm 2021

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

DVT: triệu đồng

STT	Tên công ty con, công ty liên kết	Vốn góp của doanh nghiệp, giá trị đầu tư						Vốn điều lệ 30/06/2021	Vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên kết	Doanh thu		Lợi nhuận sau thuế		Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia trên vốn đầu tư (%)	Tỷ lệ lợi nhuận được chia trên vốn đầu tư (%)	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn của công ty con, công ty liên kết	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu của công ty con công ty liên kết
		Giá trị vốn góp			Tỷ lệ vốn góp (%)					6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng năm 2020	6 tháng đầu năm 2021				
		Kế hoạch	Tại thời điểm 31/12/20	Tại thời điểm 30/06/21	Kế hoạch	Tại thời điểm 31/12/20	Tại thời điểm 30/06/21										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
I	Công ty con																
1	CTCP Nước sạch số 2 Hà Nội		548.914	548.914		96,64%	96,64%	568.000	568.000	215.001	245.731	6.380	3.912			> 1	1,31
II	Công ty liên kết																
1	CTCP Viwaco		37.924	37.924		23,70%	23,70%	160.000	160.000	306.083	326.287	31.573	34.211	9.481	25%	> 1	2,42
2	CTCP Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Nước sạch Hà Nội		2.000	2.000		20,00%	20,00%	10.000	10.000	3.848	4.890	(669)	(782)			>1	0,92
3	CTCP nước mặt Sông Hồng		47.964	47.964		8,65%	8,65%	554.655	275.286	0	0	0	(50)				
4	CTCP Tháp nước Hà Nội		59.340	59.340		30,00%	30,00%	197.800	197.800		9.422		0			<1	1,32
III	Đầu tư tài chính		1.059.961	1.054.961	-	0	0	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
1	CTCP nước mặt Sông Đuống		99.961	99.961		10,00%	10,00%	999.611	999.611	154.192	182.638	(143.335)	(105.467)			>1	4,07
2	Đầu tư tài chính khác		960.000	955.000													

Người lập biểu
(Ký)

Trần Hoài Hương

Trần Hoài Hương

Tổng Giám đốc
(Ký, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Quốc Hùng

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

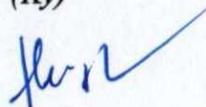
DVT: triệu đồng

Nội dung	Cùng kỳ năm 2019	Cùng kỳ năm 2020	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2021		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm	Thực hiện	Cùng kỳ năm 2019	Cùng kỳ năm 2020	Kế hoạch năm
	1	2	3	4	5=(4)/(1)	6=(4)/(2)	7=(4)/(3)
A. Chi tiêu sản xuất kinh doanh							
1. Sản lượng sản xuất SP chủ yếu	110,421,693	109,461,435	230,496,007	110,151,650	99.76%	100.63%	47.79%
2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu	91,876,438	90,527,818	199,005,424	94,513,959	102.87%	104.40%	47.49%
3. Tồn kho cuối kỳ							
B. Chi tiêu tài chính							
1. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	800,556	764,230	1,715,300	801,698	100.14%	104.90%	46.74%
2. Giá vốn hàng bán	367,988	378,615	772,306	357,177	97.06%	94.34%	103.81%
3. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	432,568	385,615	942,994	444,521	102.76%	115.28%	85.02%
4. Doanh thu hoạt động tài chính	24,099	17,196	49,700	41,473	172.09%	241.18%	83.45%
5. Chi phí tài chính	46,980	52,920	132,299	39,457	83.99%	74.56%	31.35%
6. Chi phí bán hàng	267,354	266,623	577,682	262,586	98.22%	98.49%	7.18%
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29,329	26,974	125,650	28,623	97.59%	106.11%	33.01%
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	113,004	56,294	157,063	155,328	137.45%	275.92%	26.41%
9. Thu nhập khác	38	200		279	734.21%	139.50%	
10. Chi phí khác	114	145		1,662	1457.89%	1146.21%	
11. Lợi nhuận khác	-76	55		-1,384	1821.05%	-2516.36%	

Nội dung	Cùng kỳ năm 2019	Cùng kỳ năm 2020	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2021		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch	Thực hiện	Cùng kỳ năm 2019	Cùng kỳ năm 2020	Kế hoạch năm
			1	2	3	4	5=(4)/(1)
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	21,416	11,270	27,413	28,893	134.91%	256.37%	105.40%
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại							
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN	91,512	45,079	129,650	125,051	136.65%	277.40%	96.45%

Ghi chú: Cột (1), (2): Theo BCTC các năm trước liền kề năm Báo cáo. Thông tin về chỉ tiêu tài chính lấy từ báo cáo tài chính

Người lập biểu
(Ký)



Trần Hoài Hương

Tổng Giám đốc

(Ký, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Quốc Hùng

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

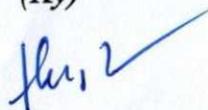
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 11/5/2015 của Bộ Tài chính)

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2021	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2021	Tỷ lệ so với KH	Tỷ lệ so với cùng kỳ năm trước
1. Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm?	m3	230,496,007	110,151,650	47.79%	100.63%
2. Khối lượng, sản lượng sản phẩm, dịch vụ công ích bị lỗi, không đạt yêu cầu?	m3	-	-		
3. Số lượng ý kiến phản hồi về chất lượng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp không đạt yêu cầu?		-	-		
4. Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong năm	trđ	1,439,525	637,940	44.32%	85.23%
5. Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong năm	trđ	1,682,051	788,942	46.90%	105.35%

Người lập biểu

(Ký)



Trần Hoài Hương

Tổng Giám đốc

(Ký, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Quốc Hùng

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp chuyển sang kỳ sau
1. Thuế				
- Thuế môn bài	-	11,000,000	11,000,000	-
- Thuế GTGT	(188,811,822)	162,960,199	178,185,798	(204,037,421)
- Thuế TNDN	715,169,843	28,893,394,648	17,357,656,603	12,250,907,888
- Thuế đất	-	4,894,467,780	5,401,088,980	(506,621,200)
- Thuế Tài nguyên	5,502,030,400	30,129,480,800	30,414,034,400	5,217,476,800
- Thuế Thu nhập cá nhân	65,485,146	560,597,242	1,608,220,265	(982,137,877)
2. Các khoản phải nộp khác				-
- Nộp phạt				-
- Phí, lệ phí	11,809,235,174	64,070,254,201	64,603,211,731	11,276,277,644
- Các khoản phải nộp khác	67,996,465,015	8,805,486,184	26,781,865,000	50,020,086,199
3. Nộp Ngân sách nhà nước phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định				

B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Dư cuối kỳ
1. Quỹ Đầu tư phát triển	295,538,722,428		294,882,732,619	655,989,809
2. Quỹ Khen thưởng phúc lợi	76,483,332,217	90,095,000	38,096,060,153	38,477,367,064
3. Quỹ thưởng VCQLDN	608,373,859		30,000,000	578,373,859
4. Quỹ Hỗ trợ sắp xếp DN	-			-
5. Quỹ đặc thù khác (nếu có)	82,680,000,000			82,680,000,000

Ghi chú: Thông tin lấy từ báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhà nước

Người lập biểu

(Ký)

Trần Hoài Hương

Tổng Giám đốc

(Ký, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Quốc Hùng